

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM HÀ PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM HÀ PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TM & DV NAM HÀ PHÁT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702711271

**3. Ngày thành lập:** 15/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 91/7, Khu Phố Bình Phú, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                      | 8130     |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Cung cấp hóa chất, vi sinh xử lý nước, nước thải:<br>Javen (NaOCl), phèn nhôm, xút (NaOH), Clorin Ca(OCl) <sub>2</sub> ,... | 4669     |
| 3.  | Khai thác muối                                                                                                                                                                             | 0893     |
| 4.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                             | 8531     |
| 5.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                          | 8532     |
| 6.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                           | 8533     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                      | 4321     |
| 8.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                           | 5224     |
| 9.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                          | 8129     |
| 10. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                       | 5629     |
| 11. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                             | 3811     |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                          | 4229     |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                    | 4663     |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị chuyên ngành xử lý nước thải                                                                       | 4659     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                      | 4322     |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                             | 4933     |
| 17. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                          | 6820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: tư vấn xử lý môi trường, giám sát môi trường định kỳ, nghiệm thu xả thải, vận hành hệ thống xử lý nước thải                                                                  | 7020(Chính) |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế, thi công và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp, Thiết kế, thi công và lắp đặt hệ thống xử lý nước cấp, khí thải. | 7110        |
| 20. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                              | 8121        |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: thiết kế các công trình xử lý nước thải                                                                                                                                | 7410        |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                     | 7730        |
| 23. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                            | 3320        |
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                            | 7490        |
| 25. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                           | 3812        |
| 26. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                  | 4101        |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                            | 4102        |
| 28. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                | 4511        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 30. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                | 4390        |
| 31. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                      | 3700        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ LÝ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 02/06/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 163264335

Ngày cấp: 20/12/2010

Nơi cấp: Công An Tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Ngô, Xã Yên Bằng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Ngô, Xã Yên Bằng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LÝ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: 02/06/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 163264335

Ngày cấp: 20/12/2010

Nơi cấp: Công An Tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Ngõ, Xã Yên Bằng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Ngõ, Xã Yên Bằng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương